

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HS-ST
Ngày 31-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Đặng Ngọc An**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Thà;
- Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đăng Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh năm 1965 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Lê Văn T và Lê Thị M (đều đã chết); vợ tên Trung Thị M1, sinh năm 1968; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2024 cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B; địa chỉ: Số I, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; đại diện theo pháp luật: ông Trần Quốc D – Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tư cách pháp nhân và tiền vốn để mua bán than đá, nên vào đầu tháng 10/2023, Lê Văn C đến gặp ông Trần Quốc D, sinh năm 1991, ngụ khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, là Giám đốc Công ty TNHH B để thỏa thuận, hợp tác mua bán than đá kiếm lời. Nội dung thỏa thuận là C sử dụng pháp nhân Công

ty của ông D để làm thủ tục nhập và xuất hóa đơn than đá, hai bên thỏa thuận số tiền lợi nhuận từ việc mua bán than đá là Chất được hưởng 20%, ông D hưởng 80%, vốn ban đầu là do ông D bỏ ra, C sẽ tìm nguồn mua, bán than đá. Chất nói dối với ông D do có quen biết với một số Công ty mỏ cao su sử dụng chất đốt là than đá ở huyện T và giới thiệu nguồn mua than đá để bán là của Công ty N ở tỉnh Đồng Nai, nên ông D đồng ý.

Ngày 01/11/2023, C kêu ông D đưa số tiền 350.000.000 đồng và làm hợp đồng để C mua than đá với Công ty TNHH N, địa chỉ: G, tổ G, cư xá C, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, số lượng là 71,44 tấn, với giá tiền 5.040.000 đồng /01 tấn. Sau khi mua được than đá, C liên hệ với ông L (là người Campuchia, chưa xác định được nhân thân, lý lịch) để bán lại cho ông L làm chất đốt, ông L đồng ý mua than đá của C với giá tiền là 6.000.000 đồng/tấn, việc thỏa thuận mua bán này C không nói cho ông D biết.

Vào ngày 08/11/2023, C nhận hàng của Công ty N với số lượng 71,44 tấn. Sau đó, C thuê ông Trần Văn S, sinh năm 1984, ngụ thôn C, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vận chuyển số than đá trên với giá là 200.000 đồng/tấn về địa phận huyện T, tỉnh Tây Ninh để đưa qua Campuchia tại khu vực Cửa khẩu T4 không qua khai báo Hải quan mà thông qua đường tiểu ngạch để trốn thuế. Tuy nhiên, khi thuê ông S thì C chỉ nói chở than đá giao ở khu vực Cửa khẩu T thuộc huyện T, không nói rõ đem qua Campuchia, ông S không biết việc C chở số than đá trên qua Campuchia, việc vận chuyển than đá là do C dẫn đường.

Để vận chuyển số than đá nêu trên, ông S thuê các tài xế là ông Đinh Mạnh T1, sinh năm 1977, ngụ khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Võ Văn T2, sinh năm 1985, ngụ thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và Trịnh Văn T3, sinh năm 1982, ngụ khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai điều khiển 03 xe ô tô chở than, gồm:

- Xe đầu kéo biển số: 51D-327.30, kéo theo somi rơ moóc biển số: 51R-212.11, chở 31,67 tấn than đá do ông Trịnh Văn T3 điều khiển nhưng do ông T3 bị tước bằng lái trước đó nên ông S là người điều khiển chở 31,67 tấn.

- Xe đầu kéo biển số: 51D – 195.28, kéo theo somi rơ moóc biển số: 51R - 201.95, chở 30,46 tấn than đá do ông Đinh Mạnh T1 điều khiển chở 30,46 tấn.

- Xe đầu kéo biển số: 50H-125.24, kéo theo sơ mi rơ moóc biển số: 51R-227.35, chở 9,31 tấn than đá do tài xế Võ Văn T2 điều khiển chở 9,31 tấn.

Vào khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông S cùng các tài xế Đinh Mạnh T1, Võ Văn T2, Trịnh Văn T3 điều khiển 03 xe ô tô trên đi chở hàng cho C, ông S hướng dẫn khi lên đến huyện T, tỉnh Tây Ninh sẽ được C ra dẫn đường đến chỗ giao hàng. Do xe của ông T2 chở ít hàng nên chạy nhanh hơn các xe còn lại, khi đi đến khu vực ngã ba L thuộc xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh thì C điều khiển xe ô tô ra dẫn đường, C điều khiển xe theo đường ĐT 791 chạy trước, ông T2 chạy theo phía sau.

Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, khi C dẫn ông T2 điều khiển xe đi qua Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế T4 một đoạn khoảng 03km thì rẽ trái theo đường nhựa đến một chốt gác của Đồn Biên phòng có hàng rào chắn ngang đường, C xuống xe định vào xin lực lượng Biên phòng để cho xe đi qua nhưng khi vào khu vực chốt

không thấy ai nên C tự kéo hàng rào chắn ngang đường ra để cho xe chở than đá chạy qua. Lúc này, C tiếp tục chạy một đoạn đến ngã ba thì rẽ phải đến Cầu H, xe do ông T2 điều khiển thì tiếp tục chạy qua cầu đến Cửa khẩu của Campuchia, ông T2 điều khiển xe chạy qua khỏi Đồn cửa khẩu của Campuchia một đoạn thì đến bãi đất được cán bê tông ở phía bên trái thuộc địa phận Campuchia, ông T2 đổ than đá xuống và quay về bằng đường cũ.

Cùng thời điểm trên, khi các xe do ông Trần Văn S và ông Đinh Mạnh T1 điều khiển di chuyển trên đường ĐT788 đoạn thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh thì bị Tổ tuần tra kiểm soát giao thông thuộc Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh cho dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện trên hai xe đầu kéo nêu trên chở hàng hóa là than đá với tổng số lượng là 62.130kg không có hóa đơn chứng từ nên đã lập biên bản vi phạm. Lúc này, ông S thông báo cho C biết việc xe bị tạm giữ nên C quay trở về nhà.

Trong quá trình điều tra, Lê Văn C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Kết quả định giá tài sản: Tại Bản kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐĐG ngày 30/12/2023, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: Tổng số than đá là 71,44 tấn có giá trị là 395.065.440 đồng.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Vật chứng chưa xử lý: Than cục: 62.130kg.

* Kê biên tài sản: Lê Văn C có đứng tên chủ sở hữu phần đất diện tích 26.550m², thửa đất số 1338, tờ bản đồ số 0019, tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, nhưng hiện nay đang thế chấp vay vốn tại hợp đồng số 351, của Công ty B1 nên không tiến hành kê biên.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo C tự nguyện nộp 150.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002212 ngày 10/9/2024; nộp 90.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002213 ngày 14/10/2024; nộp 50.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002214 ngày 29/10/2024; nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002216 ngày 30/10/2024, tổng cộng : 300.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên.

Bản cáo trạng số: 52/CT-VKSTB ngày 27-6-2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 188 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn C về tội “Buôn lậu”, đề nghị:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào các lời khai nhận tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Nhằm mục đích thu lợi bất chính, ngày 08/11/2023, [Lê Văn C](#) có hành vi mua bán than đá qua biên giới không khai báo hải quan mà đi đường tiểu ngạch nhằm trốn thuế. Tổng số than đá mà bị cáo mua bán là 71,44 tấn có giá trị là 395.065.440 đồng theo Kết quả định giá tài sản số 73/KL-HĐĐG ngày 30/12/2023, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự [huyện T](#). Do đó, hành vi của bị cáo [Lê Văn C](#) đã cấu thành tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 188 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Đối với ông [Trần Quốc D](#) là Giám đốc [Công ty TNHH B](#) có thỏa thuận trong việc kinh doanh mua, bán than đá với bị cáo [C](#) nhưng ông [D](#) không biết bị can [C](#) đưa ra thông tin sai lệch và tự ý đem than đá qua Campuchia bán qua đường tiểu ngạch, không qua khai báo Hải quan. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện T](#) không xử lý đối với ông [D](#) là có căn cứ.

Đối với ông [Trần Văn S](#), [Đinh Mạnh T1](#), [Võ Văn T2](#) và [Trịnh Văn T3](#) có hành vi vận chuyển than đá cho bị cáo [C](#) nhưng không biết là bị cáo [C](#) đem than đá qua Campuchia bán qua đường tiểu ngạch, không khai báo Hải quan. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện T](#) không xử lý đối với ông [Trần Văn S](#), [Đinh Mạnh T1](#), [Võ Văn T2](#), [Trịnh Văn T3](#) là có căn cứ.

[Công ty TNHH Đ](#) do ông [Đỗ Đăng K](#), sinh năm 1988, nơi cư trú: 109, [C, Phường A, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh](#) làm giám đốc đã giao cho ông [Trần Văn S](#), [Đinh Mạnh T1](#) là người làm công thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 24 Nghị định 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ. Cơ quan CSĐT đã chuyển tài liệu, phương tiện đến [Công an huyện T](#) để xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản

lý kinh tế của Nhà nước đối với hàng hóa, đồng thời gây mất trật tự trị an tại khu vực biên giới.

Bị cáo là người đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc mua bán hàng hóa qua biên giới không khai báo hải quan vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của mình gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[4.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Về hình phạt:

Xét thấy bị cáo phạm tội về lĩnh vực kinh tế, bị cáo tự nguyện nộp một số tiền lớn 300.000.000 đồng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử để bảo đảm việc thi hành án, do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội thể hiện tính nhân đạo của [P](#) xã hội chủ nghĩa.

[6] Về xử lý vật chứng: Số than cục thu được là vật chứng của vụ án, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Than cục: 62.130 (sáu mươi hai ngàn, một trăm ba mươi) kg (số còn lại sau khi trừ đi hao hụt trên tổng khối lượng hàng 62.450kg của 02 phiếu cân xe số 65 ngày 08/11/2023, khối lượng hàng 31.820kg và phiếu cân xe số 66 ngày 08/11/2023, khối lượng hàng 30.630kg).

- Ông [D](#) không yêu cầu bị cáo [C](#) trả lại số tiền 350.000.000 đồng đã đưa cho bị cáo [C](#) mua than đá, ông [D](#) tự thỏa thuận giải quyết với bị cáo. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo [C](#) là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Lê Văn C](#) phạm tội “Buôn lậu”.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo [Lê Văn C](#) **300.000.000 (ba trăm triệu) đồng**, sung vào ngân sách Nhà nước.

Khấu trừ số tiền bị cáo [C](#) tự nguyện nộp 150.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002212 ngày 10/9/2024; nộp 90.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002213 ngày

14/10/2024; nộp 50.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002214 ngày 29/10/2024; nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002216 ngày 30/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, bị cáo [C](#) đã nộp phạt xong.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Than cục: 62.130 (sáu mươi hai ngàn, một trăm ba mươi) kg (số còn lại sau khi trừ đi hao hụt trên tổng khối lượng hàng 62.450kg của 02 phiếu cân xe số 65 ngày 08/11/2023, khối lượng hàng 31.820kg và phiếu cân xe số 66 ngày 08/11/2023, khối lượng hàng 30.630kg).

(Vật chứng đang được tạm giữ tại kho vật chứng của [Công an huyện T](#), tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2024).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo [Lê Văn C](#) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo [Lê Văn C](#) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng PV-06 Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Ngọc An